



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 2
CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2021

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
ĐẠO ĐỨC 2
CÁNH DIỀU**

HÀ NỘI – 2020

Biên soạn:
TS Trần Văn Thắng
TS Ngô Vũ Thu Hằng

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I – GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 2

1.1.1. Mục tiêu

Mục tiêu của môn Đạo đức lớp 2:

a) Hình thành, phát triển ở học sinh những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, một số kỹ năng sống cơ bản và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân, trường lớp, với cộng đồng ở mức độ phù hợp với lứa tuổi; những tình cảm và hành vi tích cực: kính trọng thầy cô giáo và yêu quý bạn bè; yêu quê hương mình; đồng tình với cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái sai; chăm học, chăm làm; trung thực.

b) Giúp học sinh bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về nhà trường, quê hương và có các hành vi ứng xử phù hợp; hình thành thói quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

1.1.2. Yêu cầu cần đạt

a) Các năng lực chung

Môn Đạo đức lớp 2 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Bước đầu biết quý trọng thời gian, biết tự tìm hiểu về quê hương, biết tham gia phát biểu ý kiến trong nhóm, trong lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Bước đầu biết làm việc nhóm, theo lớp; giao tiếp thân thiện, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp trong học tập và sinh hoạt lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Bước đầu biết vận dụng những điều đã học để xử lý những tình huống đơn giản hằng ngày ở trường học và cộng đồng.

b) Các phẩm chất

Môn Đạo đức lớp 2 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

- **Yêu nước:** Yêu quê hương.
- **Nhân ái:** Kính trọng thầy cô giáo và yêu quý bạn bè.
- **Chăm chỉ:** Có hứng thú học tập; quý trọng thời gian; ham học hỏi; chăm chỉ, tự giác làm việc của mình.
- **Trung thực:** Thật thà trong cuộc sống.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức thực hiện trách nhiệm với cộng đồng; tuân thủ quy định nơi công cộng.

c) Các năng lực đặc thù:

– **Năng lực điều chỉnh hành vi:** HS nhận biết được các chuẩn mực hành vi đạo đức; đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và người khác, từ đó biết cách ứng xử phù hợp. Nhận biết được sự cần thiết giao tiếp và hợp tác, trách nhiệm của bản thân và của các bạn trong nhóm trong hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập; tự điều chỉnh hành vi trong học tập, vui chơi và trong sinh hoạt hằng ngày một cách phù hợp.

– **Năng lực phát triển bản thân:** Thực hiện được các công việc của bản thân trong học tập, sinh hoạt.

1.2. Kế hoạch giáo dục môn Đạo đức lớp 2

- Thời lượng môn Đạo đức: 1 tiết/tuần x 35 tuần = 35 tiết.
- Giáo dục đạo đức: 55%; giáo dục kỹ năng sống: 25%; giáo dục pháp luật: 10%
- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Thời lượng dành cho mỗi bài

Bài	Số tiết	Bài	Số tiết
Bài 1. Quý trọng thời gian	3	Bài 8. Bảo quản đồ dùng cá nhân	2
Bài 2. Kính trọng thầy cô giáo	2	Bài 9. Bảo quản đồ dùng gia đình	3
Bài 3. Yêu quý bạn bè	2	Bài 10. Thể hiện cảm xúc bản thân	2
Bài 4. Nhận lỗi và sửa lỗi	3	Bài 11. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực	2
Bài 5. Khi em bị bắt nạt	2	Bài 12. Em với quy định nơi công cộng	2
Bài 6. Khi em bị lạc	3	Bài 13. Em yêu quê hương	2
Bài 7. Tiếp xúc với người lạ	2		

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

II – SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

2.1. Quan điểm biên soạn

– Sách giáo khoa (SGK) *Đạo đức 2* được biên soạn trên cơ sở Chương trình môn Đạo đức lớp 2, cụ thể hoá yêu cầu đạt thành nội dung bài học.

Nội dung bài học trong SGK được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- + Quy định của Chương trình về các chủ đề và yêu cầu cần đạt.
- + Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 2.
- + Thời lượng thực hiện chương trình 1 tiết x 35 tuần = 35 tiết.

SGK *Đạo đức 2* được biên soạn trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng xuyên suốt “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”: Mọi tri thức trong sách đều kết nối với thực tiễn cuộc sống, khơi dậy ở học sinh nguồn cảm hứng để tìm tòi khám phá, sáng tạo trong bầu trời tri thức bao la, tạo điều kiện để học sinh phát triển các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

SGK *Đạo đức 2* được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, kích thích khả năng tư duy, tìm tòi sáng tạo của học sinh, góp phần hình thành ở học sinh các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các bài học trong SGK được thiết kế theo các hoạt động học tập phong phú, đa dạng như: hát, quan sát tranh ảnh; kể chuyện theo tranh; thảo luận; chơi trò chơi; xử lý tình huống; đóng vai; nhận xét hành vi;... tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, góp phần xoá bỏ cách dạy thuyết lí, nhồi nhét, áp đặt học sinh.

2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 2

2.2.1. Cấu trúc các bài học trong SGK

SGK gồm 8 chủ đề, phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Từ 8 chủ đề, sách được thiết kế thành 15 bài học.

CHỦ ĐỀ  **BÀI HỌC**

Chủ đề	Bài
1. Quý trọng thời gian	Bài 1. Quý trọng thời gian
2. Kính trọng thầy cô giáo và yêu quý bạn bè	Bài 2. Kính trọng thầy cô giáo
	Bài 3. Yêu quý bạn bè
3. Nhận lỗi và sửa lỗi	Bài 4. Nhận lỗi và sửa lỗi
4. Tìm kiếm sự hỗ trợ	Bài 5. Khi em bị bắt nạt
	Bài 6. Khi em bị lạc
	Bài 7. Tiếp xúc với người lạ
5. Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bài 8. Bảo quản đồ dùng cá nhân
	Bài 9. Bảo quản đồ dùng gia đình
6. Thể hiện cảm xúc bản thân	Bài 10. Thể hiện cảm xúc bản thân
	Bài 11. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực
7. Tuân thủ quy định nơi công cộng	Bài 12. Em với quy định nơi công cộng
8. Quê hương em	Bài 13. Em yêu quê hương

Thứ tự các chủ đề, bài học được sắp xếp căn cứ vào:

- Yêu cầu giáo dục thực tiễn của các nhà trường (ví dụ: đầu năm học, học sinh cần phải nhận thấy sự cần thiết phải quý trọng thời gian,...).
- Mối quan hệ giữa các chủ đề trong chương trình.

2.2.2. Về cấu trúc bài học

Mỗi bài học trong SGK đều theo một cấu trúc thống nhất, gồm bốn phần:

Khởi động: Nhằm tìm hiểu những kiến thức, kinh nghiệm đã có của học sinh (HS) về bài Đạo đức sắp học và tạo tâm thế tích cực, không khí thoải mái cho các em chuẩn bị tiếp thu bài mới.

Khám phá: Nhằm giúp HS khám phá các chuẩn mực đạo đức và kỹ năng sống, thông qua các hoạt động trải nghiệm: quan sát tranh ảnh, kể chuyện theo tranh, thảo luận phân tích truyện, tình huống, trường hợp điển hình, chơi trò chơi,...

Luyện tập: Nhằm giúp HS luyện tập để phát triển năng lực theo các chuẩn mực đạo đức, kỹ năng sống vừa học, thông qua các hoạt động hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi như: chơi trò chơi, xử lý tình huống, đóng vai, nhận xét hành vi, bày tỏ thái độ, liên hệ, thực hành theo mẫu,...

Vận dụng: Nhằm hướng dẫn HS thực hiện chuẩn mực đạo đức, kỹ năng sống đã học trong thực tiễn cuộc sống hằng ngày.

Cuối mỗi bài học là *Lời khuyên*, nhằm giúp HS nhớ và thực hiện bài học thông qua lời khuyên ngắn gọn, súc tích dưới dạng văn xuôi hoặc văn vần.

Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi cho GV thiết kế các hoạt động dạy học; rèn luyện cho HS các kỹ năng: quan sát, nhận xét, so sánh, thảo luận và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống, thông qua các bài tập và yêu cầu luyện tập, vận dụng. Thông qua các hoạt động học tập, HS sẽ hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập, làm cho giờ học Đạo đức trở nên nhẹ nhàng, vui vẻ, sôi động, hấp dẫn.

III – DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

3.1. Phương pháp dạy học môn Đạo đức lớp 2

Có nhiều phương pháp dạy học được áp dụng trong dạy học. Không thể sử dụng duy nhất một phương pháp cho cả bài học, cho tất cả các bài học. Khi thực hiện các phương pháp dạy học tích cực để dạy các bài học trong SGK *Đạo đức 2*, GV cần bám theo các nguyên tắc dạy học sau:

- HS là trung tâm của hoạt động dạy học.
- Kiến thức, kỹ năng được hình thành cho HS theo quy trình đi từ cụ thể đến tổng quát, đi từ cuộc sống vào bài học và từ bài học lại liên hệ, vận dụng vào cuộc sống.
- Kiến thức do HS kiến tạo nên thông qua việc huy động các kiến thức, kinh nghiệm sẵn có và thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành, vận dụng.
- Thái độ, cảm xúc, giá trị riêng, ... của HS được coi trọng và sử dụng để tích cực hoá hoạt động học tập và sự tham gia của HS.
- GV là người tổ chức hoạt động, dẫn dắt, đặt câu hỏi cho HS trả lời, giám sát HS làm việc, đánh giá và hướng dẫn HS đánh giá.

– HS là chủ thể tích cực của các hoạt động học tập, được khuyến khích đưa ra các ý kiến cá nhân, thậm chí đối lập, đưa ra các câu hỏi, lời nhận xét, đánh giá..., bằng cách đó các em được gián tiếp phát triển tư duy phản biện, tư duy độc lập và tư duy sáng tạo.

Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

1. Phương pháp kể chuyện theo tranh

a) Bản chất

– Kể chuyện theo tranh là phương pháp sử dụng tranh ảnh cho học sinh quan sát để kể lại câu chuyện, qua đó học sinh có thể nhận diện và khám phá vấn đề của bài học, từng bước hình thành tri thức và các chuẩn mực về hành vi, thái độ đạo đức gắn với bài học.

– Phương pháp kể chuyện theo tranh rất phù hợp với đặc điểm tư duy trực quan của HS lớp 2, giúp các em tiếp cận, tìm hiểu các chuẩn mực hành vi đạo đức một cách nhẹ nhàng, dễ hiểu, hấp dẫn. Đồng thời, phương pháp này còn giúp HS phát triển óc quan sát, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề.

b) Quy trình thực hiện

- GV giới thiệu câu chuyện và câu hỏi cần tập trung trả lời.
- HS quan sát tranh để nắm được nội dung chính của từng bức tranh.
- HS kể chuyện (trong nhóm rồi đến trước lớp).
- GV kể mẫu lại toàn bộ câu chuyện (thật sinh động và hấp dẫn).
- HS trả lời những câu hỏi liên quan đến nội dung câu chuyện (làm theo nhóm hoặc trả lời cá nhân).
- GV hướng dẫn HS khai thác nội dung bài học được lồng ghép qua câu chuyện.

c) Ví dụ minh họa

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 2, có thể tổ chức cho HS:

- Kể chuyện theo tranh “Chuyện bạn Bi” trong Bài 1 – Quý trọng thời gian
- Kể chuyện theo tranh “Chuyện của Heo con” trong Bài 5 – Khi em bị bắt nạt.
- Kể chuyện theo tranh “Một lần ra phố” trong Bài 6 – Khi em bị lạc
- Kể chuyện theo tranh “Chiếc áo khoác” trong Bài 8 – Bảo quản đồ dùng cá nhân
- Kể chuyện theo tranh “Một lần đến bệnh viện” trong Bài 12 – Em với quy định nơi công cộng

d) Một số lưu ý

– GV không nên sa đà vào việc hướng dẫn HS kể chuyện hay, diễn cảm và yêu cầu nhiều HS kể lại chuyện trước lớp.

– Nội dung chuyện HS kể có thể khác nhau, khác với nội dung chuẩn bị của GV, mở rộng ngôn từ được cung cấp trong SGK.

– Khi kể, GV cần truyền tải được nội dung, sự hấp dẫn, thú vị của câu chuyện qua giọng kể.

– Khi kể lại nội dung câu chuyện, GV nên sử dụng ngôn ngữ phù hợp với lứa tuổi HS lớp 2; thậm chí có thể chắt lọc những chi tiết, sử dụng luôn những câu, từ trong những câu chuyện HS đã kể.

– Hệ thống câu hỏi khai thác câu chuyện cần hướng vào nội dung đạo đức, kỹ năng sống chính của bài học, tránh đi lệch trọng tâm.

– GV nên sử dụng các câu hỏi mở và duy trì thái độ mở với các ý kiến, câu trả lời học sinh đưa ra.

2. Phương pháp hợp tác nhóm (hay còn gọi là phương pháp làm việc theo nhóm)

a) Bản chất

– Hợp tác nhóm là phương pháp tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong một khoảng thời gian nhất định. GV khuyến khích sự kết hợp giữa làm việc cá nhân HS với làm việc theo cặp/ theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

– Các yếu tố của hợp tác nhóm:

+ Có sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực: Kết quả của cả nhóm chỉ có được khi có sự hợp tác làm việc, chia sẻ của tất cả các thành viên trong nhóm.

+ Thể hiện trách nhiệm cá nhân: Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung.

+ Khuyến khích sự tương tác: Trong quá trình làm việc, cần có sự trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm để tạo thành ý kiến chung của nhóm.

+ Rèn luyện các kỹ năng xã hội: Tất cả các thành viên đều có cơ hội để rèn kỹ năng như: lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục ra quyết định.

– Phương pháp hợp tác nhóm có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề.

b) Quy trình thực hiện

– GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp thực hiện cho cả lớp.

– Chia HS thành các nhóm nhỏ và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau. HS cần được ngồi đối diện với nhau để tạo ra sự tương tác trong quá trình học tập.

– Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.

– Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.

- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và tổng kết.

c) Ví dụ minh họa

- Tổ chức cho HS làm việc nhóm để xác định những biểu hiện thể hiện sự quý trọng thời gian (Bài 1 – Quý trọng thời gian).
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm để đóng vai và kể tiếp câu chuyện Bạn Cáo (Bài 4 – Nhận lỗi và sửa lỗi).
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm để cùng lập bản hướng dẫn tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị bắt nạt (Bài 5 – Khi em bị bắt nạt).
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm để đóng vai và kể tiếp câu chuyện Một lần ra phớ (Bài 6 – Khi em bị lạc).
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm để xây dựng nội quy góc thư viện lớp học tập (Bài 12 – Em với quy định nơi công cộng).

d) Một số lưu ý

- Chỉ sử dụng phương pháp hợp tác nhóm để giải quyết những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi sự tham gia ý tưởng, công sức của nhiều thành viên. Nói cách khác, với những nhiệm vụ đơn giản mà cá nhân HS có thể tự giải quyết được thì không nên tổ chức làm việc nhóm.
- Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo nhiệm vụ. Tuy nhiên, nhóm thường từ 2 – 6 HS là phù hợp. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HS ỷ lại, không tham gia hoạt động.
- Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HS cần được luân phiên nhau làm “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.
- Nhiệm vụ giao cho nhóm HS phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HS lớp 2, phù hợp với thời lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị của lớp học.
- Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.
- Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.
- GV cần tạo cơ hội cho HS tham gia vào các nhóm khác nhau, với các bạn khác nhau để các em có thể tương tác, học hỏi lẫn nhau.

– Khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm, các thành viên nên ngồi đối diện nhau; các thành viên đều phải tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng, lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.

– Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức (bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết,...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nói tiếp nhau).

– GV phải theo dõi các nhóm HS hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ các em khi cần thiết.

– HS cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

3. Phương pháp xử lý tình huống

a) Bản chất

– Trong dạy học môn Đạo đức, xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội.

– Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giải quyết vấn đề, phản biện, sáng tạo và giao tiếp.

b) Quy trình thực hiện

– GV nêu yêu cầu HS cần thực hiện gắn với hoạt động xử lý tình huống và định hướng đánh giá sản phẩm học tập của nhóm HS.

– GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS.

– HS tìm hiểu về tình huống, GV có thể hỗ trợ nhóm HS khi cần với các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn:

- + Tình huống xảy ra ở đâu?
- + Tình huống xảy ra khi nào?
- + Tình huống xảy ra với ai?
- + Vấn đề cần giải quyết là gì?

– GV hướng dẫn HS các bước để xử lý tình huống:

- + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
- + Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;
- + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
- + So sánh kết quả các cách giải quyết;
- + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.

– HS/các nhóm làm việc, xử lý tình huống trong nhóm.

– Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.

– Thảo luận chung cả lớp:

- + Nhận xét về sự thể hiện của nhóm bạn.
- + Em/nhóm em có đồng tình với cách giải quyết mà nhóm bạn đã trình bày không? Vì sao?
- + Em/nhóm em có cách giải quyết khác không? Đó là cách giải quyết như thế nào? Vì sao em/nhóm em lại chọn cách giải quyết đó?
- GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 5 – Khi em bị bắt nạt, GV có thể tổ chức cho HS xử lý các tình huống sau:

- + Tình huống 1: Em sẽ làm gì nếu bị bạn giật mũ?
- + Tình huống 2: Em sẽ làm gì nếu em bị bạn bắt nộp đồ chơi mà em yêu thích?
- + Tình huống 3: Em sẽ làm gì nếu em bị các bạn tẩy chay, không cho chơi cùng?

d) Một số lưu ý

- Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thỏa mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với các chủ đề, bài học Đạo đức.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 2 cả về độ khó và độ dài.
 - + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 2.
 - + Được diễn tả bằng kênh chữ hoặc kênh hình, hoặc kết hợp cả hai kênh chữ và kênh hình.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
- HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.
- Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
- Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

4. Phương pháp đóng vai

a) Bản chất

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

b) Quy trình thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai.
- GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.
- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 4 – Nhận lỗi và sửa lỗi, có thể tổ chức cho HS đóng vai ứng xử trong các tình huống sau:

- + Tình huống 1: Em sẽ làm gì nếu bạn làm rơi mũ của em vào vũng nước ở sân trường?
- + Tình huống 2: Em sẽ làm gì nếu lỡ quên mang đồ dùng học tập theo lời cô dặn?
- + Tình huống 3: Em sẽ làm gì nếu đi chơi về muộn nhưng quên xin phép mẹ?

Cũng trong bài học này, có thể tổ chức cho HS đóng vai các nhân vật và kể tiếp câu chuyện Bận Cáo.

d) Một số lưu ý

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với các chủ đề, bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 2 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- Tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép.
- Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
- Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.
- Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
- Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
- Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của tình huống đóng vai.

5. Phương pháp tổ chức trò chơi

a) Bản chất

Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học mà trong đó, GV tổ chức cho HS tìm hiểu những vấn đề hay thể nghiệm những hành động, thái độ, việc làm thông qua một trò chơi nào đó. Lí luận và thực tiễn đã chứng minh tác dụng của phương pháp này trong dạy học môn Đạo đức. Cụ thể là qua trò chơi, HS sẽ:

- Có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi tích cực. Chính nhờ sự thể nghiệm này, sẽ hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.

- Được rèn luyện kĩ năng ra quyết định, lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống; kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi.

- Được hình thành năng lực quan sát, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

- Được lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, sinh động; không khô khan, nhàm chán; được lôi cuốn vào quá trình luyện tập một cách tự nhiên, hứng thú và có tinh thần trách nhiệm, đồng thời giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

- Được tăng cường tương tác với các thầy cô giáo và với nhau trong quá trình học tập.

b) Quy trình thực hiện

- GV phổ biến để HS nắm được tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác (nếu có).

- Tổ chức cho HS chơi thử (nếu cần thiết).

- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.

- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả, xác định thứ hạng các đội chơi.

- Thảo luận về ý nghĩa của trò chơi, liên hệ trò chơi với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài 4 – Nhận lỗi và sửa lỗi, có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Làm theo tôi nói, đừng làm theo tôi làm” (mô phỏng trò chơi “Hoa tàn, hoa nở, hoa rung rinh trước gió”) để giúp HS hứng thú bước vào bài học.

- Khi dạy bài 7 – Tiếp xúc với người lạ, có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Người lạ – Người quen” để giúp HS vui vẻ bước vào bài học và có nhận diện ban đầu cách tiếp xúc với người lạ.

- Khi dạy bài 9 – Bảo quản đồ dùng gia đình, có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thi kể tên đồ dùng gia đình” để giúp HS xác định được những đồ dùng gia đình thường có.

d) Một số lưu ý

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS lớp một, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi và các yêu cầu cần thiết khác cho HS trước khi chơi.
- HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Trong quá trình chơi, HS có thể ồn ào, làm ảnh hưởng đến các lớp khác. Do vậy, GV cần nêu rõ yêu cầu giữ trật tự với HS trước khi chơi hoặc tổ chức cho HS chơi ở ngoài sân trường, tránh xa khu vực các lớp khác đang học.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.
- Sau khi chơi, GV cần tổ chức cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi, liên hệ với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra.

3.2. Các kiểu bài học môn Đạo đức lớp 2

SGK *Đạo đức 2* gồm ba kiểu bài học chính, đó là bài học giáo dục đạo đức, bài học giáo dục kỹ năng sống và bài học giáo dục pháp luật. Trong SGK *Đạo đức 2* thuộc bộ sách Cánh diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

Chủ đề	Bài học	Đạo đức	KNS	Pháp luật
QUÝ TRỌNG THỜI GIAN	Bài 1. Quý trọng thời gian	X		
KÍNH TRỌNG THẦY GIÁO, CÔ GIÁO VÀ YÊU QUÝ BẠN BÈ	Bài 2. Kính trọng thầy cô giáo Bài 3. Yêu quý bạn bè	X		
NHẬN LỖI VÀ SỬA LỖI	Bài 4. Nhận lỗi và sửa lỗi	X		
TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ	Bài 5. Khi em bị bắt nạt Bài 6. Khi em bị lạc Bài 7. Tiếp xúc với người lạ		X	

BẢO QUẢN ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	Bài 8. Bảo quản đồ dùng cá nhân Bài 9. Bảo quản đồ dùng gia đình	X		
THỂ HIỆN CẢM XÚC BẢN THÂN	Bài 10. Thể hiện cảm xúc bản thân Bài 11. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực		X	
TUÂN THỦ QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG	Bài 12. Em với quy định nơi công cộng			X
QUÊ HƯƠNG EM	Bài 13. Em yêu quê hương	X		

Cấu trúc của các bài học đều gồm 4 phần học tập chính: *Khởi động; Khám phá; Luyện tập; Vận dụng*. Cuối mỗi bài là những lời khuyên đi kèm để giúp học sinh dễ học, dễ đọc, dễ nhớ.

Khi thực hiện dạy học các bài học trong SGK *Đạo đức 2*, GV cần bám theo các yêu cầu cần đạt (thể hiện qua phần Mong đợi) để không bị đi lệch trọng tâm của giờ học. Các yêu cầu cần đạt này đã được các tác giả viết sách cụ thể hoá trong việc thiết kế nội dung và hoạt động dạy học.

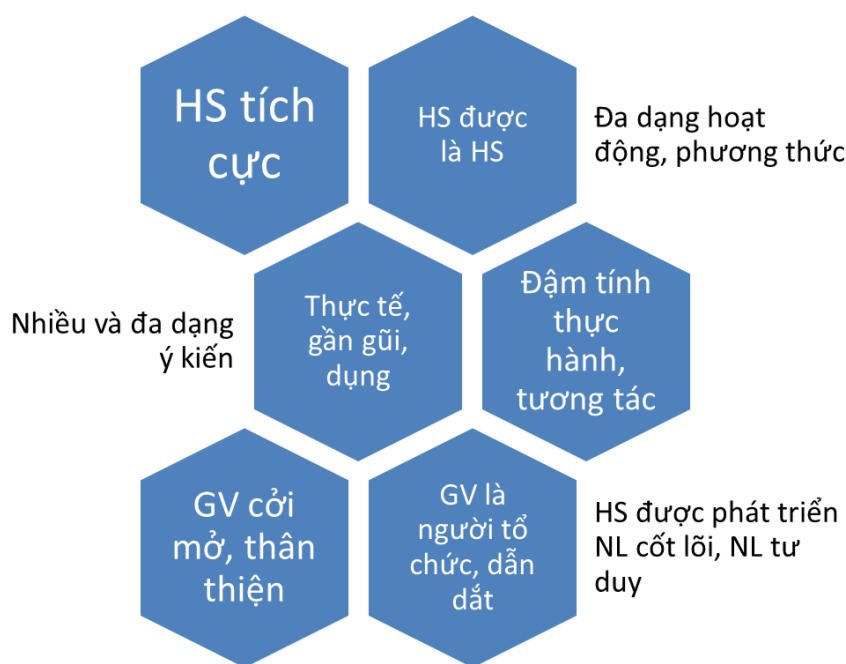
3.3. Cách dạy học

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV chú trọng việc khai thác các câu chuyện, tình huống thực tiễn gần gũi với HS tiểu học. Các câu chuyện, tình huống đó cũng cần đảm bảo tính tiêu biểu, điển hình, qua đó, HS có thể tiếp nhận được giá trị đạo đức cốt lõi mà bài học muốn hướng đến. SGK *Đạo đức 2* đã cung cấp khá phong phú các tình huống điển hình để giúp GV dạy cho HS các giá trị đạo đức. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ tình huống, câu chuyện trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Một điều lưu ý là, trong quá trình dạy học, giáo viên cần tránh sa đà vào truyền thụ, áp đặt một chiều, nói những điều lí thuyết, giáo điều, làm cho HS không có cơ hội được giao tiếp, bày tỏ ý kiến, thái độ riêng, được thể hiện cảm xúc vào trong những câu chuyện, những tình huống có vấn đề liên quan đến cách sống, lối sống hằng ngày của các em. Ngược lại, GV cần quan tâm việc phát triển thái độ, cảm xúc và hành vi cho HS. GV cần khuyến khích việc HS bày tỏ ý kiến, thái độ và liên hệ đến cuộc sống thực của mình. Ngoài ra, GV cần thiết kế, tổ chức nhiều hoạt động thực hành gần gũi với các việc làm của HS khi ở nhà, ở trường để các em có cơ hội được rèn luyện và phát triển, từ đó dần dần tạo nên những kĩ năng và thói quen sống tích cực.

Để giờ học Đạo đức trở nên tự nhiên, sinh động, thú vị với HS, GV cần chú trọng tổ chức các hoạt động giàu tính trải nghiệm, kết nối với kinh nghiệm có sẵn ở HS, thúc đẩy các hoạt động học “động”, giàu tính thực tế, giàu tính liên hệ trong giờ học. Ngoài ra, GV cần đẩy mạnh các hoạt động vận dụng trong giờ học và ngoài giờ học (Học bằng cách LÀM), chú trọng bám theo cách tiếp cận dạy học nhằm phát triển năng lực HS: Làm được gì sau bài học (chứ không phải chỉ là BIẾT được gì sau khi học như trong tiếp cận nội dung trước đây). Sau mỗi bài học, HS cần có được những sản phẩm học tập cụ thể, nhìn thấy được, vận dụng được vào trong cuộc sống.

Khi dạy học môn *Đạo đức 2* cần thỏa mãn các yêu cầu sau đây:



Khi dạy học *Đạo đức 2*, cần đáp ứng được đặc trưng của dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, khác với cách dạy học tập trung vào nội dung kiến thức. Sự khác biệt trong cách dạy học được thể hiện qua bảng dưới đây:

DH theo tiếp cận nội dung

- Coi trọng kiến thức
- Coi trọng hoạt động ghi nhớ và tái hiện
- Coi trọng hiểu biết bề mặt
- Coi trọng hoạt động tiếp thu, đồng nhất ý kiến
- Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của nội dung học (Học cái gì?)
- Lối học tĩnh & HS bị động

DH theo tiếp cận NL (SGK Đạo đức 2 – CD)

- Coi trọng kĩ năng, thái độ
- Coi trọng hoạt động trải nghiệm, tìm tòi, khám phá
- Coi trọng hiểu biết sâu
- Coi trọng hoạt động thảo luận, tranh luận, phản biện, ý kiến riêng
- Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của hoạt động học (Học thế nào?)
- Lối học động & HS năng động

3.4. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung SGK Đạo đức 2 trong dạy học

– Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.
– GV có thể linh hoạt trong việc sử dụng “nguyên liệu” trong sách, có thể sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình.

– Dạy học tập trung vào HS, chú trọng việc khai thác kĩ các ý kiến HS đưa ra để phát triển nhận thức, năng lực cho chính các em (phát triển theo hướng nội sinh).

– Chú trọng tính thực tế, gần gũi, dễ vận dụng vào cuộc sống hàng ngày của HS

SGK *Đạo đức 2* của bộ sách Cánh Diều được biên soạn để phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, để từ đó có những giờ học giàu tính thực tế hơn, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

IV- VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn Đạo đức cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu là đánh giá những năng lực mà môn học có nhiệm vụ phát triển cho HS sau mỗi giai đoạn học tập. Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của HS làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

Như vậy, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cần được thực hiện rộng rãi và đa chiều, và được thiết kế theo nhu cầu phát triển và mức độ của HS. Để phát triển năng

lực HS, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá vì sự tiến bộ của HS.

Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục tiêu:

– Đánh giá mức độ phát triển năng lực của HS dựa theo chuẩn đầu ra của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và theo chuẩn đầu ra của Chương trình môn học (ở những nội dung được tích hợp năng lực đó);

– Xác định vùng phát triển hiện tại của HS để thiết lập kế hoạch can thiệp sự phạm trong quá trình giảng dạy trên lớp nhằm hỗ trợ HS có thể chuyển sang vùng phát triển gần trên cơ sở đường phát triển năng lực.

– Báo cáo cho cha mẹ và các bên liên quan ở các cấp về thành tích, sự tiến bộ về khả năng của HS; xây dựng hồ sơ học tập về các kỹ năng của HS trong suốt quá trình học tập ở trường phổ thông;

– Cung cấp thông tin cho việc đánh giá, xem xét lại sự phù hợp của chuẩn đầu ra của Chương trình môn Đạo đức cũng như chất lượng của nội dung, phương pháp giảng dạy môn Đạo đức được sử dụng trong lớp học.

Việc đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của HS lớp một phải kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

Hình thức đánh giá quá trình là nhận xét. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả kiểm tra miệng; kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn.

Để đánh giá quá trình học tập môn Đạo đức của HS, cần sử dụng một số phương pháp đánh giá như: quan sát, nghiên cứu hồ sơ học tập, tự đánh giá,...

V – GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

Cùng với SGK *Đạo đức 2*, trong bộ sách Cánh Diều lớp 2 còn có hệ thống tài liệu hỗ trợ GV, HS trong dạy học:

- 1) Sách giáo viên *Đạo đức 2*
- 2) Vở bài tập *Đạo đức 2*
- 3) Thực hành *Đạo đức 2*
- 4) Truyện đọc *Đạo đức 2*
- 5) Học liệu điện tử
- 6) Thiết bị và đồ dùng học tập

5.1. Sách giáo viên Đạo đức lớp 2

Đạo đức 2– Sách giáo viên được biên soạn cơ sở SGK *Đạo đức 2*. Mục đích của sách giáo viên (SGV) là gợi ý, hướng dẫn GV tổ chức các hoạt động dạy học theo từng bài cụ thể của SGK. Mỗi bài trong sách được thiết kế theo các hoạt động học tập, dựa vào đó GV có thể thiết kế giáo án một cách thuận tiện. Nội dung các phần Khám phá, Luyện tập, vận dụng là gợi ý, hướng dẫn các hoạt động dạy học, trong đó gợi ý trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK một cách chính xác.

5.2. Học liệu điện tử

Học liệu điện tử môn Đạo đức lớp 2 gồm SGK phiên bản điện tử và SGK điện tử Cánh Diều.

5.5.1. Phiên bản điện tử SGK Đạo đức 2

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. GV, HS có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 2 Cánh Diều được đăng tải trên website:

canhdiieu.monkey.edu.vn

5.5.2. Sách giáo khoa điện tử Đạo đức 2

SGK điện tử *Đạo đức 2* thuộc bộ sách Cánh Diều là phiên bản điện tử của SGK giấy, trong đó nội dung giáo dục được thể hiện bằng các hình ảnh, đoạn âm thanh, video clip và những dạng bài tập tương tác có khả năng hồi đáp – đánh giá kết quả làm bài tập của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của mỗi người học. Trong SGK điện tử có các video hoạt hình hoá nội dung; các bài tập tương tác giữa sách với người học; lưu trữ thông tin về quá trình sử dụng SGK điện tử và kết quả làm bài tập của người học để hỗ trợ giáo viên, HS, phụ huynh HS theo dõi quá trình học của mỗi HS.

5.3. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Đạo đức lớp 2 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Đạo đức 2 “Cánh Diều”.

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY ĐẠO ĐỨC 2

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I– QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Bước 1: Xác định mục tiêu/yêu cầu cần đạt

Để xác định được mục tiêu/yêu cầu cần đạt của mỗi bài học, cần căn cứ vào các yêu cầu cần đạt của chủ đề trong chương trình môn Đạo đức. Mục tiêu cần đạt được thể hiện bằng các động từ có thể định lượng được, ví dụ như: nêu được..., trình bày được..., giải thích được..., thực hiện được...

Bước 2: Xác định nội dung, phương pháp và phương tiện, học liệu cần thiết để dạy học

Căn cứ vào mục tiêu bài học và nội dung SGK để xác định các nội dung dạy học. Từ đó xác định các phương pháp, phương tiện và học liệu dạy học cho phù hợp.

Bước 3: Thiết kế các hoạt động dạy học

Để đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực, GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo trình tự:

– Khởi động:

Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS; làm bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của HS, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần/sẽ lĩnh hội trong bài học mới; kích thích sự tò mò, muốn tìm hiểu bài học mới của HS; HS xác định được nhiệm vụ của mình trong bài học mới.

– Khám phá:

Thông qua các hoạt động học tập, HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới; đưa kiến thức, kỹ năng mới tiếp thu được vào hệ thống kiến thức (tri thức), kỹ năng của bản thân.

– Luyện tập:

HS nhìn nhận, đánh giá lại kiến thức, kỹ năng vừa hình thành, điều chỉnh (nếu cần) để hiểu biết đầy đủ hơn, đúng đắn hơn và chắc chắn hơn; đưa kiến thức, kỹ năng mới tiếp thu vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân.

– Vận dụng:

HS vận dụng tri thức, kỹ năng của bản thân vào giải quyết các tình huống tương tự trong học tập, trong cuộc sống.

Bước 4: Thiết kế công cụ/bài tập đánh giá sau bài học

Tự đánh giá bằng cách đánh dấu vào bảng kiểm (đánh dấu (+) hoặc vẽ khuôn mặt cười/ bông hoa/ ngôi sao... vào bảng kiểm).

II – CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Tên bài
Thời lượng

I. Mục tiêu bài học

II. Phương tiện dạy học

III. Các hoạt động dạy học

Khởi động

Khám phá

Hoạt động 1. (tên hoạt động)

Mục tiêu:

Cách tiến hành: (bao gồm các hoạt động của GV và các hoạt động của HS; Kết luận của GV sau hoạt động).

Hoạt động 2. (tên hoạt động)

Mục tiêu:

Cách tiến hành:

....

Luyện tập

Hoạt động 1. (tên hoạt động)

Mục tiêu:

Cách tiến hành:

Hoạt động 2. (tên hoạt động)

Mục tiêu:

Cách tiến hành:

....

Vận dụng

Vận dụng trong giờ học

Vận dụng ngoài giờ học

Tổng kết bài học

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

III – BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 4

NHẬN LỖI VÀ SỬA LỖI

(3 tiết)

I – YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS sẽ:

- Nêu được một số biểu hiện của việc nhận lỗi và sửa lỗi.
- Nêu được vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi.
- Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi.
- Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.

II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK Đạo đức 2.
- Một số đạo cụ cho HS đóng vai các nhân vật trong truyện Bận Cáo.

III – GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Khởi động

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Hoa tàn, hoa nở, hoa rung rinh trước gió*.
 - *Cách chơi:*
 - + Khi quản trò hô: “Mắc lỗi”, người chơi cụp bàn tay lại, giống hình bông hoa tàn cánh.
 - + Khi quản trò hô: “Nhận lỗi”, người chơi xòe bàn tay ra, giống hình bông hoa xòe cánh nở.
 - + Khi quản trò hô: “Sửa lỗi”, người chơi rung rung bàn tay, giống hình bông hoa rung rinh trước gió.
 - *Luật chơi:* Người chơi nào làm động tác tay không đúng quy định đưa ra, sẽ bị xử phạt. Hình phạt có thể là hát múa, mô tả động tác cơ thể theo yêu cầu, để tạo không khí vui tươi cho lớp học. Hình phạt được thống nhất trước với toàn lớp.
 - *Lưu ý:* GV cho HS chơi nháp. Căn cứ vào khả năng thực tế của HS, GV có thể tăng hoặc giảm độ khó cho trò chơi. GV giảm độ khó cho trò chơi bằng cách bớt đi một từ khoá gắn với một động tác tay. Để tăng độ khó và đòi hỏi sự tập trung cao từ người chơi, GV yêu cầu quản trò có thể vừa hô, vừa đưa động tác tay không đúng với lệnh hô nhằm đánh lừa người chơi (giống trò chơi Hãy làm theo tôi nói, đừng làm theo tôi làm).
- GV nhận xét, đánh giá việc tham gia trò chơi của HS, khen những HS có những phản ứng nhanh, chính xác.
- GV giới thiệu bài học.

B. Khám phá

Hoạt động 1. Đọc bài thơ “Bận Cáo” và trả lời câu hỏi

Mục tiêu: HS nêu được tác hại của việc không nhận lỗi, đổ lỗi cho người khác, bày tỏ được thái độ không đồng tình với việc không nhận lỗi, đổ lỗi cho người khác.

Cách tiến hành:

– GV sử dụng kỹ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Đọc bài thơ “Bạn Cáo” và trả lời các câu hỏi sau:

a. Chuyện gì xảy ra khi bạn Cáo và bạn Thỏ đang đọc truyện?

b. Bạn Cáo đã làm gì sau khi làm rách quyển truyện?

c. Em có đồng tình với việc làm của bạn Cáo không? Vì sao?

▪ **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:

+ Đọc bài: to, rõ ràng.

+ Trả lời: rõ ràng, hợp lí.

+ Thái độ làm việc nhóm: tập trung, nghiêm túc.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

(Lưu ý: GV có thể đọc lại bài thơ với giọng to, rõ ràng, truyền cảm.)

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.

– GV đặt thêm một số câu hỏi mở rộng để khai thác kĩ vấn đề của bài học, ví dụ:

+ Trong câu chuyện trên, em thích bạn nào, không thích bạn nào? Vì sao?

+ Theo em, bạn Thỏ sẽ cảm thấy như thế nào sau khi bị bạn Cáo đổ lỗi cho mình?

+ Nếu em là người chứng kiến sự việc đó, em sẽ nói hoặc làm gì khi ấy? Vì sao?

+ Em rút ra bài học gì từ câu chuyện trên? (Hoặc: Khi mắc lỗi, chúng ta nên làm gì? Vì sao?)

– GV kết luận: Bạn Cáo mắc lỗi mà không dám nhận lỗi, còn đổ lỗi cho bạn Thỏ, việc làm đó là không tốt. Chúng ta không đồng tình với việc làm đó. Ai cũng có thể mắc lỗi nhưng quan trọng là phải biết nhận lỗi và sửa lỗi. Chúng ta ủng hộ, tha thứ cho những người biết nhận lỗi, sửa lỗi và không đồng tình, ủng hộ những người mắc lỗi nhưng không biết nhận lỗi, sửa lỗi.

– GV nhận xét sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 2. Tìm hiểu lời nói, việc làm thể hiện việc nhận lỗi và sửa lỗi

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của việc nhận lỗi và sửa lỗi và cách thực hiện việc nhận lỗi, sửa lỗi.

Cách tiến hành:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Thảo luận nhóm 4 và trả lời các câu hỏi sau:

a. Nếu em là bạn Cáo trong tình huống trên, em sẽ làm gì?

b. Bạn Cáo nên nhận lỗi, sửa lỗi như thế nào?

Lưu ý: GV có thể yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và trả lời 1 trong 2 câu hỏi trên.

▪ **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:

+ Trả lời: rõ ràng, hợp lí.

+ Thái độ làm việc nhóm: tập trung, nghiêm túc.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra, nêu câu hỏi nếu có.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV tổng kết:

▪ *Trả lời cho câu hỏi (a) Nếu em là bạn Cáo trong tình huống trên, em sẽ làm gì?*

+ Phương án 1: Cáo nói lời xin lỗi Sóc (Mình xin lỗi vì đã làm rách cuốn sách của cậu!).

+ Phương án 2: Cáo thể hiện mong muốn được đền bù thiệt hại do lỗi làm mình đã gây ra (Mình có thể đền cho cậu một cuốn sách khác được không?).

+ Phương án 3: Cáo bày tỏ mong muốn được Sóc tha lỗi (Cậu có thể tha lỗi cho mình được không?).

+ Phương án 4: Cáo nói lời hứa sẽ không tái phạm lại lỗi làm nữa (Mình hứa lần sau sẽ cẩn thận hơn khi đọc để không làm rách sách).

+ Kết luận: Khi mình mắc lỗi, mình nên thể hiện việc nhận lỗi và sửa lỗi một cách chân thành qua những việc làm cụ thể dưới đây:

- Nói lời xin lỗi chân thành
- Sẵn sàng đền bù thiệt hại do lỗi làm mình đã gây ra
- Thể hiện mong muốn được người bị hại tha lỗi
- Nói lời hứa và rút kinh nghiệm sẽ không phạm lại lỗi đã mắc phải.

▪ *Trả lời cho câu hỏi (b) Bạn Cáo nên nhận lỗi, sửa lỗi như thế nào?*

Bạn Cáo nên nhận lỗi và sửa lỗi một cách chân thành. Cách nói lời xin lỗi chân thành:

+ Đứng ngay ngắn, mắt nhìn thẳng vào người nghe.

+ Nói lời xin lỗi một cách rõ ràng, từ tốn.

+ Không nên nói lời xin lỗi mà mặt lại quay đi nơi khác.

+ Không nên vừa nói xin lỗi vừa làm việc khác, hoặc vừa nói xin lỗi vừa chạy bỏ đi.

Lời xin lỗi chân thành dễ dàng được chấp nhận, còn lời xin lỗi không chân thành sẽ khó lòng được người khác chấp nhận.

– GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 3. Trao đổi vì sao cần nhận lỗi và sửa lỗi

Mục tiêu: HS nêu được vì sao cần nhận lỗi và sửa lỗi.

Cách tiến hành:

– GV sử dụng kỹ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện

▪ **Nhiệm vụ 1:** Trả lời các câu hỏi sau:

a. Việc bạn Cáo nhận lỗi và sửa lỗi có thể mang đến điều gì?

b. Theo em, bạn Cáo sẽ cảm thấy như thế nào sau khi nhận lỗi và sửa lỗi?

- **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:
 - + Trả lời: rõ ràng, hợp lí.
 - + Thái độ làm việc nhóm: tập trung, nghiêm túc.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.
- HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
- GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.
- GV tổng kết:
 - * *Trả lời cho câu hỏi (a) Việc bạn Cáo nhận lỗi và sửa lỗi có thể mang đến điều gì?*
 - + Lợi ích 1: Được bạn bè tin yêu, quý mến.
 - + Lợi ích 2: Dễ được bạn tha lỗi hơn
 - + Lợi ích 3: Được mọi người khen ngợi, ủng hộ.
 - * *Trả lời cho câu hỏi (b) Theo em, bạn Cáo sẽ cảm thấy như thế nào sau khi nhận lỗi và sửa lỗi?*

Bạn Cáo sẽ cảm thấy thoải mái hơn, không còn áy náy, ăn năn, hối hận vì việc làm không đúng của mình. Bạn Cáo cũng sẽ vui hơn vì có được sự tha thứ, ngợi khen, ủng hộ từ mọi người xung quanh.
- GV kết luận: Mắc lỗi mà biết nhận lỗi và sửa lỗi là biểu hiện của người có phẩm chất, đức tính tốt. Ai cũng có thể mắc lỗi và việc mắc lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi cho thấy đó là một người thật thà, trung thực, dũng cảm, có trách nhiệm với việc làm của mình. Người đó xứng đáng nhận được tin yêu, tha thứ và ủng hộ. Bạn nào mắc lỗi mà biết nhận lỗi và sửa lỗi cũng cho thấy đó là một người bạn tốt, nên kết thân, chơi cùng.
- GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

C. Luyện tập

Hoạt động 1. Bày tỏ ý kiến

- Mục tiêu:** HS bày tỏ được ý kiến, thái độ phù hợp về việc mắc lỗi, nhận lỗi, sửa lỗi.
- Cách tiến hành:**
- GV nêu nhiệm vụ và yêu cầu đối với HS:
 - **Nhiệm vụ:** Chơi trò chơi “Sang sông”
 - + HS đứng dãy nghe khi GV đọc lần lượt các ý kiến trong sách.
 - + Với mỗi ý kiến: nếu đồng tình thì HS chạy sang đứng ở dãy bên phải lớp, nếu không đồng tình, HS thì chạy sang đứng ở dãy bên trái lớp.
 - + HS ở mỗi dãy đưa ra lí do cho sự lựa chọn của mình. HS có quyền được góp ý, bổ sung, trả lời phản biện của nhóm có ý kiến đối lập.
 - **Yêu cầu:** Chơi vui vẻ nhưng nghiêm túc, không lộn xộn, không chọc ghẹo nhau.
 - HS chơi trò chơi dưới sự chủ trì của GV.
 - GV có thể đưa thêm câu hỏi khai thác sự lựa chọn, lời giải thích, ý kiến HS đưa ra.

– GV chia sẻ với HS quan điểm riêng của mình đối với mỗi ý kiến:

+ Không đồng tình với ý kiến A. Chỉ cần nhận lỗi, sửa lỗi với người lớn.

Lí do: Việc mắc lỗi nhưng lại chỉ nhận lỗi, sửa lỗi với người lớn cho thấy bạn chưa thực sự là người trung thực và dũng cảm. Việc làm này chỉ cho thấy bạn là người hèn nhát, giả dối và không thực sự đáng tin tưởng.

+ Không đồng tình với ý kiến B. Chỉ cần nhận lỗi, sửa lỗi khi có người khác biết.

Lí do: Việc mắc lỗi nhưng lại chỉ nhận lỗi, sửa lỗi khi có người khác biết cũng cho thấy bạn chưa thực sự là người trung thực và dũng cảm. Việc làm này chỉ cho thấy bạn là người dối phỏ, giả dối và không thực sự đáng tin tưởng.

+ Không đồng tình với ý kiến C. Khi mắc lỗi, không cần nhận lỗi vì mọi người sẽ quên.

Lí do: Việc này cho thấy bạn là người không có trách nhiệm với bản thân, với người khác. Không phải ai cũng quên lỗi của bạn. Do đó, bạn có thể sẽ bị mất đi tình bạn, sút mẻ tình cảm nếu bạn làm như thế và nghĩ như thế.

+ Đồng tình với ý kiến D. Cần nhận lỗi và tìm cách sửa chữa sau khi mắc lỗi.

Lí do: Không ai là không mắc lỗi bao giờ. Người lớn, trẻ con, con trai, con gái... đều có thể mắc lỗi. Lỗi có thể là do vô tình hoặc do sơ ý. Lỗi không phải lúc nào cũng xấu, cũng không tốt. Rất nhiều người lớn lên, giỏi hơn từ những lỗi mình mắc phải vì sau khi mắc lỗi họ biết rút kinh nghiệm để không phạm phải, lặp lại lỗi lầm đó nữa.

– GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 2. Nhận xét hành vi

Mục tiêu: HS đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.

Cách tiến hành:

– GV sử dụng kỹ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện: Quan sát 4 bức tranh trong SGK và thảo luận về hành vi xin lỗi của bạn trong tranh.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày (theo tranh) và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.

– GV kết luận:

+ *Hành vi 1:* Bạn áo xám đã làm ngã bạn áo xanh. Bạn áo xám đã đỡ bạn bị ngã dậy và nói lời xin lỗi, trong lời nói của bạn áo xám có nêu ra lỗi mình đã mắc phải. Lời nói, việc làm của bạn áo xám thể hiện cách xin lỗi chân thành, cho thấy bạn đã biết nhận lỗi của mình.

+ *Hành vi 2*: Bạn nữ có thể do vội nên khi chạy đã va vào một bạn khác và làm bạn ấy bị rơi sách vở xuống đất. Bạn nữ vừa chạy vừa ngoái đầu lại nói lời xin lỗi. Mặc dù vậy, lời xin lỗi nói cũng chưa thực sự thể hiện được sự chân thành. Nếu trong trường hợp có vấn đề thực sự cấp bách, không thể dừng lại được, chúng ta có thể thông cảm cho bạn nữ ấy. Nếu không, bạn nữ nên dừng lại và nói lời xin lỗi đối với bạn kia, giúp bạn nhặt sách vở lên, và tìm cách khắc phục nếu như có những hư hỏng đối với các quyển vở. Khi ấy, việc xin lỗi sẽ được chấp nhận, đồng tình và ủng hộ hơn.

+ *Hành vi 3*: Có nhiều cách thể hiện việc xin lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi. Việc bạn nam dán lại truyện cho bạn nữ cho thấy bạn nam đã biết nhận lỗi và sửa lỗi. Do đó, việc làm này là phù hợp, chúng ta nên đồng tình, ủng hộ bạn nam.

+ *Hành vi 4*: Dù người em trai có nói lời xin lỗi với chị gái khi làm rách tờ giấy của chị nhưng việc hét toáng lên và nói rằng “Thế được chưa?” cho thấy lời xin lỗi đó chưa thật sự chân thành, chưa cho thấy rằng người em mong muốn sẽ sửa chữa lỗi lầm mình đã mắc phải. Do vậy, cách xin lỗi của người em trai không nên được đồng tình, ủng hộ.

– GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 3. Xử lý tình huống

Mục tiêu: HS thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện sự biết nhận lỗi, sửa lỗi phù hợp với mỗi tình huống đưa ra.

Cách tiến hành:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Thảo luận nhóm 4 và đóng vai xử lý tình huống trong SGK.

(*Lưu ý:* GV có thể giao cho mỗi nhóm 1 tình huống)

▪ **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:

+ Phương án xử lý: *hợp lý*.

+ Đóng vai: *sinh động, hấp dẫn*.

+ Thái độ làm việc nhóm: *tập trung, nghiêm túc*.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.

– GV chia sẻ ý kiến, suy nghĩ của mình với mỗi phương án mà các nhóm đưa ra, gợi ý thêm các phương án khác hợp lý. Ví dụ:

+ *Tình huống 1*: Làm rơi mũ của bạn vào vũng nước: Em nên nhặt mũ lên, xin lỗi bạn chân thành và làm sạch chiếc mũ trước khi trả lại bạn.

+ *Tình huống 2*: Quên mang đồ dùng học tập đến lớp: Em nên xin lỗi cô và hứa lần sau không tái phạm nữa.

+ *Tình huống 3:* Đi chơi về muộn mà không xin phép mẹ: Em xin lỗi mẹ chân thành bằng lời hoặc bằng thư gửi cho mẹ, nói rõ em đã sai ở đâu và em sẽ khắc phục lỗi sai đó như thế nào.

– GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 4. Liên hệ

Mục tiêu: HS nêu được việc làm chưa biết hoặc đã biết nhận lỗi, sửa lỗi của bản thân, từ đó có ý thức điều chỉnh, thực hiện hành vi nhận lỗi, sửa lỗi phù hợp.

Cách tiến hành:

- GV sử dụng kỹ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện: *Chia sẻ về một lần em đã biết hoặc chưa biết nhận lỗi, sửa lỗi.*
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
- GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.
- GV chia sẻ ý kiến, suy nghĩ của mình.
- GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

D. Vận dụng

1. Đóng vai kể tiếp câu chuyện bạn Cáo

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:
 - * **Nhiệm vụ 1:** Thảo luận nhóm 4 đóng vai, kể tiếp câu chuyện bạn Cáo.
 - * **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:
 - + Phương án đưa ra: *hợp lí.*
 - + Đóng vai: *sinh động, hấp dẫn.*
 - + Thái độ làm việc nhóm: *tập trung, nghiêm túc.*
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.
- HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
- GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, nêu câu hỏi nếu có.
- GV chia sẻ ý kiến, suy nghĩ của mình với mỗi phương án mà các nhóm đưa ra, gợi ý thêm các phương án khác hợp lí.

Ví dụ: Bạn Cáo không được các bạn khác chơi cùng nữa vì đã mắc lỗi nhưng lại còn đổ lỗi cho bạn Thỏ. Cáo nhận thấy điều đó và cảm thấy ăn năn, hối hận. Cáo tìm đến Thỏ và Sóc để xin lỗi. Thỏ và Sóc tha lỗi cho Cáo, và nói: “Chúng tớ sẽ tha lỗi cho cậu vì cậu đã biết nhận ra lỗi lầm của mình. Hy vọng cậu sẽ không bao giờ mắc lại lỗi lầm đó nữa.”

– GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

2. Nói hoặc viết lời xin lỗi và gửi tới người mà em mắc lỗi

- GV có thể cho HS đưa ra lựa chọn 1 trong 2 cách thức thể hiện: Nói hoặc viết

- Với trường hợp HS lựa chọn viết, GV có thể tổ chức như sau:
 - GV giao nhiệm vụ và nêu yêu cầu HS cần thực hiện:
 - **Nhiệm vụ:** Viết một lá thư ngắn gửi lời xin lỗi tới người mình mắc lỗi.
 - **Yêu cầu:** Lá thư thể hiện được thái độ hối lỗi và mong muốn chân thành được tha lỗi.
 - HS thực hiện nhiệm vụ.
 - HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
 - HS nhận xét, góp ý, bổ sung.

(Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS tạo thành 1 bông hoa/trái tim khổng lồ bằng cách gắn những lá thư xin lỗi đó lên và mời HS lên đọc lời xin lỗi được viết trên đó).

- GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

(Lưu ý: Hoạt động này có thể giao cho HS về nhà thực hiện).

Tổng kết bài học

- GV nêu câu hỏi: *Em học được điều gì khi học bài này?*
- GV tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV yêu cầu HS đọc lời khuyên cuối bài học.
- GV sử dụng kỹ thuật đánh giá 1 phút: HS nói/viết 1 từ/câu để nhận xét về giờ học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn nhút nhát, chưa tích cực.

Bài 7

TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI LẠ

(2 tiết)

I – YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS sẽ:

- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi tiếp xúc với người lạ.
- Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ trong một số tình huống tiếp xúc với người lạ.
- Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ trong một số tình huống tiếp xúc với người lạ.

II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Một số đạo cụ cho hoạt động đóng vai xử lý tình huống (phần Luyện tập).

III – GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Khởi động

- GV tổ chức cho HS chơi trò “Người lạ – Người quen”:

Cách chơi: GV làm quản trò hoặc mời 1 bạn lên làm quản trò. Khi quản trò hô “Người lạ” (hoặc Người không quen biết, Người say rượu, Người xa lạ...) thì người chơi phải đứng im, giữ nguyên nét mặt. Khi quản trò hô “Người quen” (hoặc Người thân, Cô giáo, Bố, Mẹ, Anh, Chị, Ông, Bà, Bạn...) thì người chơi phải giơ tay lên, nét mặt thể hiện sự vui sướng. Những người nào làm không đúng sẽ được mời lên bảng và thực hiện việc

làm gì đó theo yêu cầu của cả lớp (VD: Viết thư chửi phẩy, pha nước chanh bằng việc mô phỏng động tác của cơ thể, hát, múa,...).

– GV nhận xét việc HS tham gia trò chơi và giới thiệu vào bài học.

B. Khám phá

Hoạt động 1. Đọc thơ và trả lời câu hỏi:

Mục tiêu: HS nêu được một tình huống cụ thể khi tiếp xúc với người lạ cần tìm kiếm sự hỗ trợ và cách tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống ấy.

Cách tiến hành:

– GV sử dụng kỹ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Đọc bài thơ “Mèo con” và trả lời các câu hỏi sau:

a. Mèo con đã gặp chuyện gì?

b. Mèo con đã làm gì khi ấy?

c. Em có đồng tình với việc làm của Mèo con không? Vì sao?

▪ **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:

+ Đọc bài: to, rõ ràng.

+ Trả lời: rõ ràng, hợp lí.

+ Thái độ làm việc nhóm: tập trung, nghiêm túc.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

(Lưu ý: GV có thể đọc lại bài thơ với giọng to, rõ ràng, truyền cảm.)

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho bạn.

– GV đặt thêm một số câu hỏi mở rộng để khai thác kỹ vấn đề của bài học, ví dụ:

+ Chi tiết nào cho em thấy cô mèo là một người lạ không tốt?

+ Việc làm của Mèo con cho thấy bạn là người như thế nào?

+ Nếu Mèo con nghe theo lời của người lạ khi ấy, điều gì có thể xảy ra với Mèo con?

+ Em đã bao giờ gặp phải tình huống như của bạn Mèo con chưa?

+ Em đã làm gì khi ấy?

– GV kết luận:

a. Mèo con đã gặp phải một người lạ nguy hiểm khi đang chơi một mình trước sân nhà. Người lạ đã giả vờ bị một đồ định đánh lừa Mèo con nhằm bắt cóc Mèo con.

b. Mèo Con đã không nghe theo lời người lạ, mà hô to gọi bố đến giúp.

c. Đồng tình với việc làm của Mèo con vì việc làm đó giúp Mèo con an toàn.

– GV nhận xét sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số tình huống khi tiếp xúc với người lạ

Mục tiêu: HS nêu được một số tình huống tiếp xúc với người lạ cần tìm kiếm sự hỗ trợ.

Cách tiến hành:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Thảo luận nhóm 4 tìm hiểu tình huống trong SGK, trả lời các hỏi sau:

a. *Tình huống đó là gì?*

b. *Vì sao em cần tìm kiếm sự hỗ trợ trong những tình huống trên?*

(Lưu ý: GV có thể yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và trả lời 1 trong 2 câu hỏi trên)

▪ **Nhiệm vụ 2:** Nhận xét, đánh giá sự thể hiện của bạn theo các tiêu chí sau:

+ Trả lời: rõ ràng, hợp lí.

+ Thái độ làm việc nhóm: *tập trung, nghiêm túc.*

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết, ví dụ:

+ *Tình huống đó diễn ra ở đâu?*

+ *Người lạ là ai? Trông như thế nào? Người lạ nói gì, làm gì?*

+ *Bạn nhỏ đang làm gì khi ấy?*

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV tổng kết:

+ *Tình huống 1:* Bạn nhỏ ở trước cửa nhà một mình, có người lạ nhìn thấy, giả vờ làm người quen của mẹ để rủ đi theo. Bạn nhỏ cần tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống này vì nếu đi theo người lạ, bạn nhỏ có thể bị bắt cóc, làm hại.

+ *Tình huống 2:* Bạn nhỏ chơi trong công viên, người lạ đến gần nói chuyện và cho kẹo. Bạn nhỏ cần tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống này vì nếu ăn kẹo của người lạ, bạn nhỏ có thể bị ăn phải thuốc mê, thuốc ngủ hoặc có thể bị người lạ sai khiến, làm hại.

+ *Tình huống 3:* Bạn nhỏ đứng đợi người thân đến đón ở trước cổng trường, người lạ đến bên nói chuyện, lôi kéo, rủ rê, cho quà. Bạn nhỏ cần tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống này vì nếu đi theo người lạ, bạn nhỏ không những không có đồ chơi mà còn có thể bị bắt cóc, làm hại.

– GV mở rộng vấn đề: Ngoài những tình huống trên, còn có tình huống tiếp xúc với người lạ nào khác em cần cẩn thận, đề phòng?

– GV nhận xét, đánh giá sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này, tuyên dương những HS tích cực, có nhiều ý kiến tốt.

Lưu ý: GV nên liên hệ tới những câu chuyện tương tự có thật đã xảy ra ở trường hoặc ở nơi khác, cách xử lí tốt và không tốt, kết quả và hậu quả xảy ra (không nói những điều HS dễ bị ám ảnh, hoảng sợ quá) để HS biết cần nâng cao tinh thần cảnh giác, cẩn trọng

khi tiếp xúc với người lạ. GV có thể yêu cầu HS chia sẻ thêm những chuyện thật mà em biết tương tự như vậy.

– GV nêu 2 điều cần có để ứng phó với người lạ với HS:

(1) Sức khỏe (giúp chạy nhanh, giãy giụa mạnh để thoát khỏi người lạ khi bị bắt,...).

(2) Trí thông minh, nhanh nhẹn (giúp quan sát được tình hình và kịp nghĩ ra phương án để đối phó với người lạ).

Từ đó, GV hướng HS tới việc cần rèn luyện, giữ gìn để có sức khỏe tốt (ăn đủ, ngủ đủ, tập thể dục thường xuyên, đầy đủ) và chăm chỉ học tập (để có thêm những kiến thức, kỹ năng, bài học giúp ứng phó hiệu quả với người lạ).

Hoạt động 3. Thảo luận về cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi tiếp xúc với người lạ

Mục tiêu: HS nêu được một số người đáng tin cậy có thể nhờ trợ giúp khi tiếp xúc với người lạ; các việc làm, lời nói trong một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi tiếp xúc với người lạ.

Cách tiến hành:

** Với câu hỏi (a) Ai là người đáng tin cậy em có thể giúp đỡ để ứng phó với người lạ?*

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện: Thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi (yêu cầu HS mô tả đặc điểm người tin cậy có thể nhờ trợ giúp).

– HS làm việc trong nhóm. GV quan sát HS, đưa ra gợi ý để HS thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, ví dụ:

+ Người đó làm nghề gì? Dấu hiệu nào để nhận biết?

+ Đặc điểm của người đáng tin cậy là gì? Vì sao em lại nghĩ như vậy?

– HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận: Những người đáng tin cậy em có thể tìm sự trợ giúp có thể là cô chú công an, chú bảo vệ, cô giáo, nhân viên mặc đồng phục ở siêu thị, ở các cơ quan công sở... Đó cũng có thể là những người đàn ông hay phụ nữ đi cùng trẻ nhỏ vì thường những người có con cái luôn muốn bảo vệ con cái họ – những đứa trẻ, do đó họ sẽ có khuynh hướng bảo vệ trẻ nhỏ nói chung.

** Với câu hỏi (b) Em sẽ làm gì trong những tình huống dưới đây?*

– GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:

+ Tìm hiểu một tình huống

+ Nêu cách ứng phó, tìm kiếm sự trợ giúp.

+ Nêu các cách thực hiện và cho biết cách nào là tốt nhất.

– HS làm việc nhóm 4.

– HS trình bày trước lớp và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– HS, GV nhận xét, góp ý.

- GV kết luận:
- + Không nói chuyện, đi theo, làm theo người lạ, không nhận quà, đặc biệt khi bị người lạ rủ rê, cho quà.
- + Trong một số trường hợp tiếp xúc với người lạ nguy hiểm, cần chủ động tìm kiếm sự trợ giúp từ những người xung quanh. Cách tìm kiếm sự trợ giúp có thể thực hiện bằng lời đề nghị, tiếng kêu cứu, hành động, việc làm để giải thoát cho bản thân gặp phải nguy hiểm từ người lạ.
- * Với câu hỏi (c) Em sẽ nói gì với người em định nhờ giúp đỡ?
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi trên.
- HS thảo luận trong nhóm. GV quan sát HS, đưa ra gợi ý để HS thực hiện hiệu quả nhiệm vụ.
- + *Nên nói gì, nói như thế nào trước khi nhận được sự giúp đỡ? Vì sao?*
- + *Nên nói gì, nói như thế nào sau khi nhận được sự giúp đỡ? Vì sao?*
- + *Tình huống nguy cấp thì nói như thế nào? Tình huống chưa thật nguy cấp thì nên nói như thế nào?*
- HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
- HS, GV nhận xét, góp ý, bổ sung.
- GV kết luận:
- + Trước khi nhận được sự giúp đỡ: Với những tình huống nguy cấp, khẩn trương, bị ai đó đuổi bắt (Hình 1), em cần kêu to để thu hút sự chú ý và sẵn sàng giúp đỡ của những người gần đó (ví dụ, chú bảo vệ ở đằng trước mặt). Nói ngắn gọn nhất có thể. Ví dụ: Cứu! Cứu cháu! Giúp cháu với! Với tình huống chưa thật nguy cấp, em có sự nghi ngờ có người lạ nào đó theo dõi mình (Hình 2), em có thể tiến lại gần người em định nhờ giúp đỡ (ví dụ, chú công an), bình tĩnh nói to, rõ ràng chuyện đang xảy ra với em và đề nghị người ấy giúp đỡ. Ví dụ: “Cháu đang bị một người lạ theo dõi và cháu cảm thấy lo sợ. Chú giúp cháu với”. Không nên nói cộc lốc, xác xược, gây sự khó chịu ở người nghe, khiến người ấy không muốn giúp đỡ mình.
- + Sau khi nhận được sự giúp đỡ, em nên thể hiện sự cảm ơn đối với người giúp đỡ mình. Em cũng có thể trình bày rõ hơn chuyện gì đã xảy ra với mình và sự giúp đỡ của người ấy đã giúp mình tránh được những rủi ro gì có thể xảy ra.
- GV nhận xét sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này.

C. Luyện tập

Hoạt động 1. Nhận xét hành vi

Mục tiêu: HS nêu được cách xử lý phù hợp và bày tỏ sự đồng tình, ủng hộ trước cách xử trí hợp lý để ứng phó với người lạ

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời các câu hỏi sau:

+ *Chuyện gì đã xảy ra với bạn nhỏ?*

+ *Bạn nhỏ đã làm gì?*

+ *Em có đồng tình với cách xử trí của bạn không? Vì sao?*

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

– HS trình bày (theo tranh) và trả lời các câu hỏi được đưa ra.

– GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV tổng hợp ý kiến và kết luận:

+ *Nội dung chính của tình huống:* Bạn nhỏ đã bị người lạ mặt bắt cóc và không chế. Bạn nhỏ đã rất bình tĩnh để xử trí. Khi đi ngang qua 1 đôi nam nữ, bạn nhỏ đã giật mạnh tóc của người thanh niên. Người thanh niên cho rằng người lạ mặt kia đã giật tóc mình nên rất tức giận, tranh cãi với người ấy. Nhân cơ hội 2 người đàn ông đã cãi cọ với nhau, bạn nhỏ đã nhanh chân tẩu thoát khỏi người bắt cóc. Sau khi thoát khỏi người bắt cóc, bạn nhỏ đã cùng mẹ đi tìm gặp người thanh niên nọ để nói lời cảm ơn. Người thanh niên cũng bày tỏ khi nhìn thấy bạn nhỏ, anh ấy đã biết được điều nguy hiểm đang xảy ra với bạn ấy. Khi bị giật tóc, anh cũng đoán được là bạn ấy, nhưng anh đã cố tình gây sự với người đàn ông nọ để bạn nhỏ có cơ hội chạy đi. Bạn nhỏ và mẹ nói lời cảm ơn đối với người đã giúp đỡ bạn nhỏ và người thanh niên khen bạn nhỏ là một cậu bé rất thông minh, nhanh trí.

+ *Lời khuyên:* Trong một số tình huống bị khống chế, không thể nói, kêu cứu, việc ra dấu hiệu cho người khác nhận biết có thể giúp em tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp. Bên cạnh đó, việc tạo ra rắc rối cho kẻ định bắt cóc mình bằng hành động nào đó cũng là một cách làm khôn ngoan. Khi họ quay sang tranh cãi với người bắt cóc thì mình cần nhanh chóng chạy thoát, nhập vào đám đông nào đó để người bắt cóc khó tìm thấy mình. Sau khi thoát khỏi nguy hiểm, em nên cùng người thân tìm cách liên hệ những người đã “hỗ trợ” mình, nói lời cảm ơn và xin lỗi, thậm chí đền bù, vì em đã làm ảnh hưởng đến họ nhưng nhờ đó em được giải thoát.

– GV nhận xét sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 2. Xử lý tình huống

Mục tiêu: HS đưa ra được những cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống tiếp xúc với người lạ cần tìm kiếm sự trợ giúp.

Cách tiến hành:

– GV lần lượt yêu cầu HS quan sát tranh và nêu yêu cầu, nội dung tình huống.

– GV giao nhiệm vụ:

▪ **Nhiệm vụ 1:** Thảo luận nhóm 4 và xử lý 1 tình huống được đưa ra.

▪ **Nhiệm vụ 2:** Đánh giá, nhận xét theo tiêu chí:

+ Phương án xử lý: *hợp lý*

- + Đóng vai: *sinh động, hấp dẫn*
- + Thái độ làm việc nhóm: *tập trung, nghiêm túc*
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. GV quan sát, hỗ trợ, đặt câu hỏi hướng dẫn khi cần thiết.

- HS trình bày và trả lời các câu hỏi được đưa ra.
- GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung.
- GV chia sẻ ý kiến, suy nghĩ của mình với mỗi phương án mà các nhóm đưa ra, gợi ý thêm các phương án khác hợp lí. Ví dụ:

+ **Tình huống 1:** Người lạ gặp ở công viên và nhờ đi tìm giúp con chó bị lạc: Trong tình huống này bạn nhỏ đang có 1 mình. Việc nghe theo, đi theo người lạ tiềm ẩn rủi ro nếu người lạ đó là người xấu, người ấy có thể hãm hại mình mà không ai hay biết. Việc nhờ tìm con chó có thể là cái cớ người ta bịa ra để mình động lòng trắc ẩn. Để an toàn, tốt nhất em từ chối và đi về phía chú bảo vệ đứng gần đó và nói với chú chuyện đang xảy ra. Trong trường hợp em muốn giúp đỡ, em không nên giúp đỡ một mình mà nên có người thân, người quen biết làm cùng.

+ **Tình huống 2:** Người lạ định bắt cóc em ở ngoài đường: Trong tình huống này, em nên kêu cứu thật to để những người xung quanh đến giải thoát cho em. Trong trường hợp người lạ giả vờ làm bố của em, và nói rằng đây là con của ông ấy, mọi người đừng chen vào, em nên cố giãy giụa, di chuyển đến chỗ quán hàng nước, đập phá quán hàng, làm đổ vỡ mọi thứ. Việc ông ta xưng là bố của em thì việc quán hàng do em phá vỡ sẽ khiến chủ quán tức giận mà tranh cãi với ông ấy. Tranh thủ thời gian đó, em có thể bỏ trốn.

+ **Tình huống 3:** Người lạ giả vờ làm người quen của mẹ đến đón em sau giờ tan trường: Trong tình huống này, em có thể nhờ bác bảo vệ ở trường gọi điện cho mẹ để xác định sự việc.

- GV nhận xét sự tham gia học tập của HS trong hoạt động này.

Hoạt động 3. Liên hệ

Mục tiêu: HS nêu được cách tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp từ tình huống tiếp xúc với người lạ của bản thân.

Cách tiến hành:

- GV sử dụng kĩ thuật dạy học *Think – Pair – Share* (Nghĩ – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ toàn lớp) và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện: *Chia sẻ về một lần em gặp nguy hiểm khi tiếp xúc với người lạ và cho biết sẽ làm gì nếu gặp lại tình huống như thế.*

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS trình bày trước lớp.
- GV mời HS nhận xét, góp ý, bổ sung, hoặc đặt câu hỏi cho bạn.
- GV chia sẻ ý kiến, suy nghĩ của mình.
- GV nhận xét sự tham gia của HS trong hoạt động này.

D. Vận dụng

Ghi lại số điện thoại trợ giúp

- GV giới thiệu bảng như trong SGK.
- GV hỏi HS về số điện thoại của cô giáo, cảnh sát, tổng đài tìm kiếm cứu nạn, của bố mẹ học sinh,... Trong trường hợp HS không biết số điện thoại của GV, cảnh sát, tổng đài tìm kiếm cứu nạn, GV có thể cung cấp cho HS điền vào bảng.
- GV hướng dẫn HS cách vẽ bảng ghi số điện thoại, cách ghi số điện thoại vào cột tương ứng.
- HS làm việc cá nhân.
- HS trình bày trước lớp.
- HS nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét hoạt động học tập của HS.

Tổng kết bài học

- GV nêu câu hỏi: Em học được điều gì khi học bài này?
- GV tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV yêu cầu HS đọc lời khuyên ở cuối bài.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn nhút nhát, chưa tích cực.

Nội dung	Trang
Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
I. Giới thiệu về Chương trình môn Đạo đức lớp 2	3
1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 2	3
1.2. Kế hoạch giáo dục môn Đạo đức lớp 2	4
II. Sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 2	4
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 2	4
2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 2	5
III. Dạy học môn Đạo đức lớp 1	6
3.1. Phương pháp dạy học môn Đạo đức lớp 2	6
3.2. Các kiểu bài học môn Đạo đức lớp 2	14
3.3. Cách dạy học	15
3.4. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung SGK Đạo đức 2 trong dạy học	17
IV. Vấn đề đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 2	17
V. Giới thiệu về hệ thống sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo bổ trợ và học liệu, thiết bị dạy học môn Đạo đức lớp 2	18
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 2	20
I. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy	20
II. Cấu trúc kế hoạch bài dạy	20
III. Bài soạn minh họa	21

